

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

-----

**HUỖNH VĂN THẮNG**

**DI VĂN HÁN NÔM  
TẠI CÁC DI TÍCH VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH**

Chuyên ngành: Hán Nôm

Mã ngành: 60.22.01.04

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. HÀ ĐĂNG VIỆT**

**HÀ NỘI, 2017**

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Di văn Hán Nôm trên địa bàn huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định đã được nhiều nhà nghiên cứu, các cơ quan nghiên cứu quan tâm giới thiệu. Các công trình nghiên cứu này chủ yếu là sưu tầm và giới thiệu, dịch nghĩa một số văn bia, hoành phi, câu đối Hán Nôm. Việc đánh giá và khảo sát thực trạng cũng như phân loại các loại hình di văn này chưa được thực hiện một cách đầy đủ và có hệ thống.

Vì lẽ đó, việc nghiên cứu di văn Hán Nôm Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định là vấn đề rất cần thiết và cần được tiến hành kịp thời. Do vậy, luận văn của chúng tôi với đề tài *Di văn Hán Nôm tại các di tích văn hóa Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định* được thực hiện nhằm cụ thể hóa những yêu cầu đó.

### 2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Di văn Hán Nôm nói chung trong đó có di văn Hán Nôm Phật giáo đã được nhiều người quan tâm và nghiên cứu từ trước đến nay trong phạm vi cả nước. Trong đó, việc nghiên cứu di văn Hán Nôm ở huyện Giao Thủy cũng chỉ được nghiên cứu ở một góc độ nhỏ, thông qua việc dịch thuật một số văn bia, sắc phong, câu đối v.v. để phục vụ cho công tác xếp hạng di tích của địa phương. Ở đây có thể kể đến bài viết của Nhóm tác giả Dương Văn Vượng, Trần Tuấn Anh và Trần Quang Minh với tựa đề *Tư liệu Hán Nôm huyện Giao Thủy* được lưu giữ tại Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Nam Định.

Tuy nhiên, các loại hình khác của di văn trong các công trình Phật giáo trên địa bàn huyện thì hầu như chưa được ai thực hiện bài bản, có khoa học. Vì vậy chúng tôi đã tiến hành khảo sát một cách hệ

thống, cụ thể mảng di văn Hán Nôm Phật giáo trên toàn bộ địa bàn huyện Giao Thủy.

### **3. Đối tượng nghiên cứu - phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu trong luận văn là hệ thống các loại hình di văn Hán Nôm với 219 đơn vị di văn gồm: Câu đối, văn bia, văn chuông, văn khánh, sắc phong... mà chúng tôi đã sưu tập được dưới dạng bản chụp.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu là các văn bia, cặp câu đối, quả chuông đồng, khánh đồng, bản sắc phong, ở các công trình Phật giáo huyện Giao Thủy được phản ánh qua các mặt: Hiện trạng phân bố, số lượng, nội dung và các đặc điểm hình thức bài trí khác nhau.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng trong luận văn: Phương pháp văn bản học; Thống kê định lượng; Nghiên cứu liên ngành...

### **5. Đóng góp của luận văn**

Luận văn đã phân tích, đánh giá sâu những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các loại hình di văn Hán Nôm. Đồng thời, phần phụ lục đã giới thiệu được 219 đơn vị di văn Hán Nôm mà chúng tôi đã tuyển dịch có nguyên văn kèm theo phiên âm, dịch nghĩa và chú thích.

### **6. Bố cục của luận văn**

Luận văn gồm có 4 phần: Phần Mở đầu, phần Nội dung, phần Kết luận và phần Phụ lục.

+ Phần Nội dung chia làm 3 chương:

Chương 1: *Di văn Hán Nôm và di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.*

Chương 2: *Thể loại, trữ lượng và phân bố của di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.*

Chương 3: *Giá trị của di văn Hán Nôm Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.*

# PHẦN NỘI DUNG

## CHƯƠNG 1

### ***DI VĂN HÁN NÔM VÀ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHẬT GIÁO HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH***

#### **1.1. Một số vấn đề thuật ngữ có liên quan**

##### ***1.1.1. Di văn Hán Nôm***

Di văn Hán Nôm là một bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam và nhân loại. Những thông điệp được thể hiện qua hệ thống các loại hình di văn vừa tạo nên sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại, vừa gìn giữ cho muôn sau những giá trị văn hóa, lịch sử đậm đà bản sắc dân tộc.

Với cụm từ “*Di văn Hán Nôm*” ta có thể hiểu là những dấu vết văn tự chữ Hán, chữ Nôm mà người xưa để lại còn lưu giữ được cho đến ngày hôm nay. Và, những dấu vết văn tự Hán Nôm ấy có thể được ghi chép trên giấy, có thể được khắc lên các chất liệu khác nhau như, gỗ, đá, kim loại v.v... nhằm lưu giữ những thông tin cần thiết của người xưa.

##### ***1.1.2. Di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo***

Di tích là “công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”.

Thông qua việc tìm hiểu về khái niệm di tích chúng ta có thể khái lược một cách có hệ thống về thuật ngữ di tích LSVH Phật giáo như sau: Di tích LSVH Phật giáo chính là “Các công trình, kiến trúc

xây dựng, địa điểm và các di văn, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm liên quan đến Phật giáo có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học thể hiện đậm đà bản sắc của dân tộc; không ngừng được tái tạo và được giữ gìn từ thế hệ này sang thế hệ khác”.

## **1.2. Sơ lược về các di tích lịch sử -văn hóa Phật giáo huyện Giao Thủy**

### ***1.2.1. Các di tích Phật giáo được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia***

Di tích quốc gia, là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia do Bộ trưởng Bộ VHTT&DL ra quyết định xếp hạng.

Theo thống kê của Ban quản lí di tích lịch sử tỉnh Nam Định, đến nay huyện Giao Thủy có 27 di tích LSVH đã được xếp hạng trong số 27 di tích đó có 19 di tích LSVH Phật giáo đã được xếp hạng bao gồm: 3 di tích LSVH cấp quốc gia và 16 di tích LSVH cấp tỉnh. Trong số 19 di tích Phật giáo đó, 3 di tích lịch sử được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia đó là: Quần thể di tích đền chùa thôn Hoàn Nha, xã Giao Tiên; Đền chùa thôn Hà Cát, xã Hồng Thuận; Đền chùa làng Diêm Điền, thị trấn Ngô Đồng.

### ***1.2.2. Các di tích Phật giáo được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh***

Di tích cấp tỉnh, thành phố là di tích có giá trị tiêu biểu trong phạm vi địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định xếp hạng. Hiện nay trên địa bàn huyện Giao Thủy có 16 di tích Phật giáo đã được xếp hạng “*Di tích LSVH cấp tỉnh, thành phố*”.

## **Tiểu kết chương 1**

Trong chương này, chúng tôi đã khái luận được những vấn đề chung nhất về các khái niệm như: Di văn Hán Nôm; Di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo; Và sơ lược về đặc điểm các di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy. Gồm: Di tích LSVH cấp quốc gia và Di tích LSVH cấp tỉnh.

Qua đó, làm cơ sở nghiên cứu cho các chương tiếp theo trong việc thống kê, phân loại và đánh giá về giá trị của các loại hình di văn Hán Nôm hiện còn lưu giữ trong các công trình kiến trúc Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy.

## CHƯƠNG 2

### ***THỂ LOẠI, TRỮ LƯỢNG VÀ PHÂN BỐ CỦA DI VĂN HÁN NÔM TẠI CÁC DI TÍCH PHẬT GIÁO HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH***

Trong chương này, luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề chính sau:

- Di văn Hán Nôm tại các di tích LSVH như: câu đối, văn bia, minh văn chuông khánh, sắc phong ...

- Tình hình bảo quản di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy.

- Thống kê số lượng, sự phân bố di văn Hán Nôm Phật giáo theo không gian và theo thời gian.

#### **2.1. Các loại hình di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy**

##### ***2.1.1. Di văn được chạm khắc, đắp vẽ trên các chất liệu cứng***

Di văn Hán Nôm được chạm khắc trên các chất liệu bền chắc nên nó vượt trội hơn ở việc bảo lưu nguyên bản nội dung thông tin tốt hơn rất nhiều so với văn viết chép trên giấy. Hiện nay trong các công trình Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy còn lưu giữ được một số loại hình di văn được chạm khắc trên các chất liệu cứng có số lượng tương đối phong phú như: văn bia, minh văn chuông khánh, câu đối...

+ ***Thứ nhất là loại hình văn bia***: Văn bia là thuật ngữ chỉ văn tự khắc trên đá, dùng để “chỉ” hoặc “ký” những sự việc cần ghi nhớ. Văn bia xuất hiện khá sớm; truyền thống sáng tạo bắt nguồn từ



Trung Quốc, sau đó được lan truyền sang các nước dùng chữ tượng hình như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên...

“Bia” trong danh từ “văn bia” xuất phát từ âm đọc của “bi”, là một từ gốc Hán đã có từ lâu. Đây là một trong những loại hình văn khắc chính của Trung Quốc cổ đại.

Ở Việt Nam, từ những năm đầu thế kỷ thứ IV người Việt Nam đã biết sử dụng văn bia để khắc ghi những nội dung cần truyền bá. Tuy nhiên, trên thực tế phần lớn bia được dựng ở làng xã Việt Nam chủ yếu là bia ghi về công đức, trùng tu xây dựng, Hậu Thần - Phật...

+ ***Thứ hai là loại hình minh văn khắc trên chuông khánh:***  
Chuông, khánh là hai loại nhạc khí, cũng là pháp khí linh thiêng thường được sử dụng trong các hoạt động nghi lễ tôn giáo, tâm linh, tín ngưỡng ở khắp tất cả các địa phương trên cả nước. Do đó, văn khắc trên chuông, khánh ngoài nhu cầu lưu niệm nó còn dùng để phổ biến những điều thiêng liêng, ca ngợi lẽ huyền vi, màu nhiệm của đạo Phật, đạo Lão, tán tụng vai trò xã hội rộng lớn của đạo Nho v.v...

Hiện nay, theo khảo sát của chúng tôi, hiện tại các điểm di tích LSVH Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy còn giữ được 6 chiếc chuông khánh có minh văn (trong đó có 4 chiếc chuông đồng và 2 chiếc khánh đồng), nằm rải rác ở một số chùa như chùa Bảo Hoa (xã Giao Phong), chùa Khánh Sơn (làng Thanh Khiết, xã Giao Yên), chùa Hưng Phúc (thôn Hoàn Tam, xã Hoàn Sơn), đây là những chiếc chuông đồng, khánh đồng có khắc đầy đủ bài minh văn và có niên đại vào khoảng thế kỷ XVII - XVIII.

+ **Thứ 3 là loại hình câu đối:** “Câu đối” chữ Hán là “楹聯” (doanh liên), chính là “對聯” (đối liên), cũng gọi là “對子” (đối tử) hoặc là “聯語” (liên ngữ) và nó phân chia thành hai liên trên, dưới đối nhau mà thành. Câu đối có nguồn gốc từ người Trung Quốc, người Trung Quốc gọi câu đối là đối liên (對聯) nhưng tên gọi xưa của nó là “đào phù 桃符” (bùa làm bằng gỗ đào). Đối liên có lịch sử ra đời cách đây khoảng 3000 năm.

Ở Việt Nam, câu đối có tự bao giờ thì không biết được chính xác. Nhưng cũng như văn tế, văn bia, thơ, phú, đều là những hình thức văn học của Trung Quốc có từ lâu đời và đến đời Đường thì có phép tắc hẳn hoi. Qua một số ít bài văn chữ Hán mà sử nhắc lại hay còn truyền tụng, ta chỉ thấy thấp thoáng được phần nào bóng dáng của câu đối. Tuy nhiên, khi đọc những câu tục ngữ của Việt Nam, chúng ta đã thấy manh nha của tính đối xứng, như câu: “gần mực thì đen - gần đèn thì rạng”, “có công mài sắt - có ngày nên kim”...

### **2.1.2. Di văn được in dập, sao chép trên các chất liệu mềm**

Song song với nguồn di văn Hán Nôm được chạm khắc, đắp vẽ trên các chất liệu cứng; loại hình di văn Hán Nôm được in dập, sao chép trên các chất liệu mềm có số lượng ít hơn. Những chất liệu mềm thường sử dụng để in dập, sao chép như: giấy, vải, lụa... Hiện nay, trong các công trình văn hóa Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy ngoài kinh sách còn lưu giữ được cho đến ngày nay, vẫn còn một loại hình di văn Hán Nôm được lưu giữ khá cẩn thận trong một số công trình tự viện trên địa bàn đó chính là sắc phong.

+ **Sắc phong (敕封) hay sách phong (册封):** là văn bản truyền mệnh lệnh của vua phong chức tước cho quý tộc, quan chức, khen thưởng những người có công hoặc phong thần và xếp hạng cho các

vị thần được thờ tự trong các đình, đền, chùa, miếu... trong tín ngưỡng làng xã của người Việt. Văn kiện sắc phong thường làm bằng chất liệu vải hay giấy đặc biệt (giấy Long Đàng). Sắc phong truyền tải cho hậu thế các tư liệu quý giá và trung thực về tên tuổi, công lao cũng như quê quán, công trạng của một số nhân vật lịch sử gắn với quê hương, bản quán nơi đối tượng đó được thờ tự.

Hiện nay, tại các di tích LSVH Phật giáo trên địa bàn huyện Giao Thủy còn lưu giữ được khoảng 6 đạo<sup>1</sup> sắc phong, đa số các bản sắc phong này đều có cùng niên đại là vào năm Khải Định thứ 9 (1924) và đều sắc phong cho 2 đối tượng thường được thờ tự ở trong chùa là “*Thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa*” và “*Bản tự Thập bát Long thần Già lam Chân Tổ*”.

## **2.2. Tình hình bảo quản di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy**

### **2.2.1. Tình hình bảo quản di văn Hán Nôm Phật giáo trước năm 1945**

Trước năm 1945, trên phạm vi toàn địa bàn huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định, ở hầu hết các làng, xã trên địa bàn huyện đều có chùa. Theo thống kê tên làng xã trong sách “*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*”<sup>2</sup>, nếu chỉ tính riêng các xã, thôn, trang, phường, thuộc tổng Hoàn Nha huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định vào đầu triều Nguyễn đã có khoảng 26 ngôi chùa lớn nhỏ và đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, toàn huyện Giao Thủy đã có trên, dưới 30 ngôi chùa lớn nhỏ. Cùng với sự ra đời của một số ngôi chùa mới,

---

<sup>1</sup> Đây chỉ là số liệu tạm thời mà cá nhân tôi sưu tầm được trong quá trình điền dã tại địa phương.

<sup>2</sup> “*Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*”, Dương Thị The - Phạm Thị Thoạ dịch và biên soạn (1981) Nxb. KHXH, Hà Nội.

tình hình bảo quản di văn Hán Nôm tại các cơ sở Phật Giáo thời kỳ này khá tốt. Sở dĩ có được như vậy là vì chữ Hán thời kỳ này vẫn được sử dụng như một loại văn tự phổ thông của dân tộc. Đồng thời do ý thức của mỗi người trong việc gìn giữ các giá trị di sản văn hóa vật chất vô cùng quý giá của dân tộc thời kỳ này.

### ***2.2.2. Tình hình bảo quản di văn Hán Nôm Phật giáo từ năm 1945 đến nay***

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, do ảnh hưởng của các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ xâm lược. Đặc biệt là trong thời kỳ cải cách ruộng đất (1954 - 1955), đến thời kỳ xây dựng hợp tác xã và chống đế quốc Mĩ (1960 - 1975), cùng với đó do nhận thức sai lệch của một số cán bộ mà rất nhiều kiến trúc Phật giáo đã bị tháo dỡ để làm trường học, hoặc trụ sở chính quyền, hợp tác xã; các di văn, di vật Hán Nôm tại các di tích Phật giáo như hoành phi, câu đối, chuông đồng, khánh đồng, bia đá v.v... cũng bị dỡ bỏ để làm các vật dụng phục vụ cho chiến tranh. Nhưng rất may là đến năm 1986 khi công cuộc đổi mới bắt đầu mở ra, nhờ quan điểm chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước và đặc biệt là nhờ Nghị quyết Trung ương V khóa 8 cùng một loạt văn bản, nghị định triển khai của các ngành, các cấp về việc bảo tồn và giữ gìn bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập mở cửa, đã kịp thời cứu vãn hàng loạt di tích và các giá trị di sản văn hóa Hán Nôm dần dần được bảo quản phục chế. Trong đó, đặc biệt là hệ thống di văn Hán Nôm trong các ngôi chùa trên địa bàn huyện Giao Thủy.

## **2.3. Thông kê di văn Hán Nôm Phật giáo**

### ***2.3.1. Số lượng di văn Hán Nôm***

Qua quá trình điền dã, khảo sát thực tế tại địa phương, chúng tôi đã thu thập được một khối lượng di văn Hán Nôm Phật giáo khá lớn, rất đa dạng về loại hình và loại thể.

Qua bảng thống kê 2.1 “Số lượng di văn Hán Nôm Phật giáo thu thập tại địa phương” trong luận văn chúng ta thấy số lượng di văn Hán Nôm ở các chùa có sự phân bố không đồng đều, có chùa thì vẫn còn lưu giữ khá đầy đủ các loại hình di văn. Nhưng cũng có một số chùa hiện nay chỉ còn lưu giữ được một vài cặp câu đối là chủ yếu.

Trong số các loại hình di văn Hán Nôm trên thì 2 loại hình có số lượng lớn và giá trị nhất trong các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy là văn bia và câu đối. Nên trong đề tài này chúng tôi chủ yếu tập trung đi sâu nghiên cứu giá trị của 2 loại hình di văn đó.

### ***2.3.2. Sự phân bố di văn Hán Nôm theo không gian***

Trong phần này, chúng tôi đã chuyển đổi không gian tồn tại của 2 loại hình di văn là văn bia và câu đối Hán Nôm Phật giáo huyện Giao Thủy theo đơn vị hành chính như hiện nay.

Qua bảng thống kê 2.4 “Sự phân bố loại hình văn bia và câu đối theo xã/ thị trấn” trong luận văn ta thấy 2 loại hình di văn (văn bia và câu đối) phân bố chủ yếu ở 4/12 xã, thị trấn. Tập trung chủ yếu ở các xã Hoàn Sơn, xã Giao Tiến, xã Giao Phong... Bên cạnh đó các xã có số lượng di văn ít nhất là xã Giao An và xã Giao Thiện; Các xã còn lại có số lượng di văn ngang nhau.

### ***2.3.3. Sự phân bố di văn Hán Nôm theo thời gian***

Qua khảo sát sự phân bố của 15 văn bia và 192 cặp câu đối theo thời gian, chúng tôi đã thống kê được kết quả sau: có 14 văn bia và 17 cặp câu đối ghi niên đại; có 1 văn bia và 170 cặp câu đối không ghi niên đại; không có văn bia nào và có 5 cặp câu đối ghi niên đại

theo hàng Can – Chi. Điều này được thể hiện rất rõ qua bảng thống kê 2.5 “ Sự phân bố di văn Hán Nôm theo thời gian qua các niên đại” trong luận văn.

### **Tiểu kết chương 2**

Trong chương này, chúng tôi đã trình bày về thể loại, trữ lượng và sự phân bố của 219 đơn vị tư liệu di văn Hán Nôm gồm 192 cặp câu đối, 15 văn bia, 6 sắc phong, 4 văn chuông và 2 văn khánh. Trong đó, nguồn di văn này được phân thành 2 kiểu loại chính đó là: Di văn được chạm khắc, đắp vẽ trên các chất liệu cứng và Di văn được in dập, sao chép trên các chất liệu mềm. Các loại hình di văn này được bảo quản khá tốt, song tại một số điểm di tích do chưa hiểu hết tầm quan trọng và giá trị của các loại hình di văn này nên vẫn còn yếu kém trong việc bảo quản. Bên cạnh đó, nguồn di văn Hán Nôm Phật giáo nơi đây có sự phân bố không đồng đều cả về mặt không gian và thời gian.

## CHƯƠNG 3

### ***GIÁ TRỊ CỦA DI VĂN HÁN NÔM PHẬT GIÁO HUYỆN GIAO THỦY TỈNH NAM ĐỊNH***

#### **3.1. Giá trị nội dung của văn bia và câu đối**

##### ***3.1.1. Giá trị nội dung của văn bia***

###### ***3.1.1.1. Văn bia phản ánh các hoạt động trùng tu, xây dựng chùa.***

Các văn bia hiện còn lưu giữ tại các công trình Phật giáo trên địa bàn huyện hầu như đều ghi chép một cách rõ nét về việc xây dựng các công trình phục vụ tín ngưỡng của người dân, tiêu biểu như các bia: “*Phổ Quang tự bi ký* 普光寺碑記” có niên đại Bảo Đại thứ 14 (1938) đặt ở chùa Phổ Quang (thôn Hoàn Tứ, xã Hoàn Sơn) hay bia “*Hưng Phúc tự bi ký* 興福寺碑記” dựng tại chùa Hưng Phúc (thôn Hoàn Tam, xã Hoàn Sơn)... Đa số các văn bia này đều khái quát được một cách rõ ràng về thời gian, địa điểm quá trình trùng tu, xây dựng mở rộng các công trình Phật giáo trên địa bàn huyện. Đồng thời cũng ghi chép một cách rõ ràng nhất về việc sửa chữa, chú tạo một số đồ pháp khí, tự khí như chuông đồng, khánh đá, các tòa tượng pháp để thờ tự trong nhà chùa v.v...

###### ***3.1.1.2. Văn bia phản ánh tục gửi giỗ, lập Hậu.***

Bầu Hậu là tập tục phổ biến của nước ta, đó là một tín ngưỡng dân gian có ý nghĩa tốt nhằm ghi nhận, tưởng nhớ người có công lao với làng xã. Hậu Phật có ý nghĩa chỉ người được thờ phụng sau vị trí thờ Phật, với ý nghĩa người được bầu Hậu thông qua việc công đức, đóng góp ruộng đất, tiền của, vàng bạc vào chùa với mong muốn kiếp sau có một số mệnh tốt đẹp hơn.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi đã thống kê được số lượng văn bia Hậu Phật là 5/15 bia chiếm tỉ lệ 16.42%. Trong số văn bia Hậu Phật này, văn bia có niên đại sớm nhất là văn bia “*Nam mô A Di Đà Phật*”, niên đại Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712) hiện đặt tại ban thờ Hậu chùa thôn Hoàn Nha Chính. Ngoài ra còn một số bia Hậu khác như văn bia Vô đề<sup>3</sup> có niên đại Đồng Khánh thứ 1 (1886) và niên đại Thành Thái thứ 9 (1897) ở chùa thôn Hoàn Nha Chính. Hay như, văn bia *Phật Hậu bi ký* 佛后碑記 có niên đại Duy Tân thứ 8 (1914) hiện đặt tại chùa Nội làng Hoàn Nhị cũng phản ánh một cách rõ nét về tập tục này.

*3.1.1.3. Văn bia phản ánh tinh thần đoàn kết, bình đẳng và hài hòa trong cộng đồng làng xã.*

Trong tư tưởng Phật giáo luôn đề cao tiêu chí là phải làm sao để hướng con người đến những điều hay lẽ phải và luôn đặt tinh thần đoàn kết, bình đẳng, hòa hợp lên mức cao nhất. Điều này được thể hiện rất rõ trong các văn bia công đức, cúng tiến trong loại hình di văn Hán Nôm Phật giáo ở huyện Giao Thủy.

Trong số 15 văn bia mà chúng tôi sưu tập được thì đa số các bia đều có phần liệt kê công đức ở cuối văn bia nói về việc tiến cúng tiền bạc vào việc trùng tu xây dựng chùa. Trong đó, có một số văn bia như “*Phù Sa tự bi ký* 浮沙寺碑記” dựng tại chùa Nội làng Hoàn Nhị, xã Hoàn Sơn hay văn bia “*Kim thẳng khai giác lộ - Bảo phiệt độ mê tân* 金繩開覺路寶筏渡迷津” được dựng ở tam quan chùa Vạn Phúc (thôn Hoàn Lộ)... đã phản ánh một cách rõ nét về tinh thần đoàn kết, bình đẳng, hài hòa trong cộng đồng làng xã.

---

<sup>3</sup> Bia không có tên, qui ước này do chúng tôi tự đặt.



### **3.1.2. Giá trị nội dung của câu đối**

#### *3.1.2.1. Câu đối ca ngợi cảnh sắc thiên nhiên.*

Nét đặc sắc của câu đối tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy là vừa ca ngợi cảnh sắc thiên nhiên quê hương đất nước, vừa ca ngợi vẻ đẹp chốn thiên môn. Cảnh sắc thiên nhiên ở đây vừa mang nét thanh bình u tịch, vừa phóng khoáng tiêu dao tự tại nhưng cũng không kém phần sinh động với sự xuất hiện của những hình ảnh non nước, chim thú, cỏ cây, hoa lá...

#### *3.1.2.2. Ca tụng công đức của các bậc Thánh thần, Phật pháp.*

Đây là nội dung khá phổ biến của loại hình câu đối mà chúng tôi đã khảo sát được. Hầu như trong bất cứ một di tích nào cũng có mảng câu đối ca ngợi công đức của các bậc Thánh thần, Phật pháp. Đó là *Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa, Đức Chúa Ông...* tên tuổi, công lao cũng như sự oai linh của họ thường gắn liền với non sông đất nước. Bởi vì, trong tâm thức của mỗi người dân Việt thì các lực lượng siêu nhiên này luôn có một phép màu có thể cứu vớt, độ trì che chở cho mỗi người dân mỗi khi gặp khó khăn hoạn nạn. Ngoài ra, trong mảng câu đối này còn thể hiện sự tôn sùng và kính trọng các bậc Nho hiền, ẩn sĩ những người có công trong việc giáo hóa đạo đức, mở mang tư tưởng con người...

#### *3.1.2.3. Câu đối truyền bá tư tưởng Phật giáo.*

Trong số các câu đối Hán Nôm tại các di tích văn hóa Phật giáo huyện Giao Thủy, mảng câu đối có nội dung truyền bá tư tưởng Phật giáo chiếm một số lượng khá lớn và rất có giá trị. Những tư tưởng Phật giáo được thể hiện trong loại hình câu đối này chủ yếu là tư tưởng về sự từ bi, hỷ xả, tinh thần bác ái và sức mạnh của trí tuệ của bậc toàn năng giác ngộ. Ngoài ra còn có những quan điểm về “Tức

tâm tức Phật” hay là bản thể “không” và “sắc” trong giáo lý của Phật đà.

### **3.2. Giá trị nghệ thuật của văn bia và câu đối**

#### ***3.2.1. Nghệ thuật trang trí trên văn bia***

Trong số 15 văn bia thì có 9 bia có hoa văn trang trí. Hoa văn trang trí trên văn bia rất đa dạng từ hình thức thể hiện và các họa tiết trang trí trong đó cũng vô cùng phong phú như các biểu tượng mây cách điệu, mặt trời, hoa dây, cổ đồ, chữ Thọ, linh vật (Tứ linh)... thể hiện sự phát triển sinh sôi. Chính những điều này đã góp phần tạo nên những giá trị nghệ thuật tuyệt vời của các văn bia Phật giáo huyện Giao Thủy.

#### ***3.2.2. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong câu đối.***

Qua quá trình nghiên cứu phân tích loại hình câu đối tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy, chúng ta thấy phổ biến nhất là những câu đối thuộc lối câu song quan, cách cú và hạc tất. Với mỗi loại hình câu đối khác nhau chúng luôn đảm bảo tính chính xác về luật bằng trắc, ý nghĩa và từ loại. Ngoài ra việc sử dụng các hình ảnh ước lệ cũng là một biện pháp nghệ thuật hết sức quen thuộc mà chúng ta bắt gặp rất nhiều qua các cặp câu đối trong các diễm di tích. Đây chính là những biện pháp nghệ thuật giúp cho câu đối tăng thêm tính sáng tạo, đậm chất trí tuệ và mang tính hàm súc cao hơn. Qua đó nhằm truyền tải những thông tin quý giá nhất của con người về cuộc sống.

### **Tiểu kết chương 3**

Qua khảo cứu hai loại hình văn bia và câu đối, chúng ta thấy giá trị nội dung và nghệ thuật của hai loại hình di văn Hán Nôm này được thể hiện rõ ở các mặt sau đây:

Trước hết là loại hình văn bia, qua nội dung văn bia đã góp phần phản ánh được những phong tục, tập quán tín ngưỡng của địa phương nơi đây trong đó có tập tục bầu Hậu Phật và lệ gửi giỗ. Ngoài ra còn thể hiện được sự hài hòa giữa đạo và đời với tinh thần đoàn kết hòa hợp trong tư tưởng Lục hòa của Phật giáo. Bên cạnh đó, văn bia còn phản ánh các hoạt động làng xã ở địa phương, trong đó nội dung chủ yếu là việc đóng góp công đức để xây dựng, trùng tu các công trình Phật giáo phục vụ tín ngưỡng cho nhân dân.

Thứ hai loại hình câu đối, câu đối tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy đã cho chúng ta thấy được những giá trị nội dung như: Ca ngợi cảnh đẹp quê hương đất nước và cảnh sắc thiên nhiên chôn thiên môn với những nét đẹp yên bình, tĩnh lặng kết hợp vẻ đẹp phóng khoáng nhưng hết sức tiêu dao tự tại. Cùng với đó, câu đối còn nói lên được công đức của các bậc Thánh thần, Phật pháp đã linh thiêng hiển ứng luôn luôn che chở cho dân lành và sự tri ân của nhân dân đối với những vị anh hùng của dân tộc.

Về giá trị nghệ thuật thì các họa tiết trang trí trên văn bia với nhiều hình tượng khác nhau đã góp phần giúp chúng ta tìm hiểu về mỹ thuật, cách thức tạo tác nên tấm bia và tư tưởng của Phật giáo được thể hiện qua những họa tiết, biểu tượng trang trí trên những tấm bia đó. Với loại hình câu đối, nghệ thuật ngôn từ qua các cặp câu đối được trình bày trong luận văn có sự kết hợp hài hòa giữa các thanh điệu, âm vận và luật bằng trắc trong câu.

## KẾT LUẬN

Luận văn này của chúng tôi đã bố cục làm 3 chương với các nội dung chính: Di văn Hán Nôm và Di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo; Thể loại, trữ lượng và phân bố của di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định; Giá trị của di văn Hán Nôm Phật giáo huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Qua quá trình nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, luận văn đã khái luận được những vấn đề chung nhất về các khái niệm như: Di văn Hán Nôm; Di tích lịch sử - văn hóa Phật giáo... Đặc biệt luận văn cũng đã giới thiệu cho chúng ta biết được lịch sử của một số di tích Phật giáo đã được xếp hạng là Di tích LSVH cấp quốc gia và Di tích LSVH cấp tỉnh.

Thứ hai, luận văn đã trình bày về thể loại, trữ lượng và sự phân bố của di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy với các đặc điểm: Cách phân loại các loại hình di văn Hán Nôm; Tình hình bảo quản di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo qua các thời kì; Sự phân bố di văn Hán Nôm tại các di tích Phật giáo huyện Giao Thủy theo không gian, có sự phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở 4/12 xã, thị trấn. Xã có nhiều di văn nhất là xã Hoàn Sơn với văn bia chiếm 40%, câu đối chiếm 23.4%; tiếp đến là xã Giao Tiến với văn bia chiếm 40%, câu đối chiếm 10.9%; xã Giao Phong có văn bia chiếm 13% câu đối chiếm 12%; và Giao Yên với văn bia chiếm 7% câu đối chiếm 16.1%. Theo thời gian, 2 loại hình di văn chính là câu đối và văn bia phân bố trải dài trong 3 thế kỉ, từ thế kỉ XVII - thế kỉ XIX. Trong đó, số lượng văn bia và câu đối vào

thời Nguyễn chiếm số lượng cao nhất với văn bia (86.6%) và câu đối (14.1%).

Thứ ba, luận văn đã nêu được giá trị nội dung và nghệ thuật của 2 loại hình di văn là văn bia và câu đối qua các mặt: Về mặt nội dung của loại hình văn bia, thì văn bia đã góp phần giúp chúng ta nghiên cứu lịch sử tại địa phương; Phản ánh được những phong tục, tập quán tín ngưỡng của địa phương nơi đây như tục lệ bầu Hậu Phật, lễ gửi giỗ... văn bia còn thể hiện được sự hài hòa giữa đạo và đời với tinh thần đoàn kết hòa hợp trong tư tưởng Lục hòa của Phật giáo.

Về mặt nội dung của loại hình câu đối, thì câu đối tại các di tích Phật giáo trên địa bàn huyện đã cho chúng ta thấy được những giá trị nội dung quan trọng như: Câu đối đã thể hiện được những bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp trong chốn thiền môn; Câu đối còn nói lên được công đức to lớn của các bậc Thánh thần, trong sứ mệnh hộ trì Phật pháp và phù trì cho nhân dân. Đặc biệt, câu đối còn truyền bá được những tư tưởng tốt đẹp của Phật giáo.

Về mặt nghệ thuật thì các họa tiết trang trí trên văn bia với nhiều hình tượng đa dạng đã góp phần quan trọng cho những nhà nghiên cứu về mỹ thuật và nghiên cứu các họa tiết trang trí dân gian trong tương lai.

Về mặt nghệ thuật ngôn từ của loại hình câu đối, thì qua các cặp câu đối được trình bày trong luận văn, chúng tôi nhận thấy đa số các cặp câu đối này đều đạt được các tiêu chí của một câu đối hoàn chỉnh đó là các tiêu chí về niêm, luật, thanh điệu, từ loại, v.v...

Như vậy, qua những vấn đề trên có thể nói rằng, việc nghiên cứu và đưa ra cái nhìn tổng quát về đặc điểm và giá trị của hệ thống di văn Hán Nôm tại các di tích LSVH Phật giáo huyện Giao Thủy

chính là bước đầu để tìm hiểu về văn hóa, sự phát triển của Phật giáo huyện Giao Thủy nói riêng và Phật giáo tỉnh Nam Định nói chung.

Qua luận văn này, hi vọng sẽ đóng góp một phần công sức vào việc nghiên cứu, giữ gìn, phát huy các giá trị di sản Hán Nôm vô cùng quý giá của dân tộc và nhân loại.